

Số: 196 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO**Đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Công văn số 2664/BKHĐT-TH ngày 07/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; Công văn số 3986/BKHĐT-TH ngày 29/5/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2 năm 2021, 2022 và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, UBND tỉnh báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, cụ thể như sau:

Phần thứ I**ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU
CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025****I. BỐI CẢNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi được kế thừa và phát huy của nhiệm kỳ trước, nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức mới phát sinh, gay gắt hơn và chưa có tiền lệ, nhất là dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh mẽ trên diện rộng cả nước và trong tỉnh với diễn biến phức tạp, khó lường. Trước tình hình đó, buộc tỉnh phải áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống dịch bệnh nghiêm ngặt, quyết liệt hơn với mục tiêu trên hết là bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe của nhân dân, do đó phần nào đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh và đời sống, sinh hoạt của nhân dân.

Bước sang giai đoạn 2022-2023, tình hình dịch bệnh tuy đã được kiểm soát và bao phủ vắc-xin nhưng hậu quả đại dịch trên toàn cầu còn phải khắc phục nhiều năm, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó đoán định. Trong nước, nền kinh tế chịu sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; giá nhiều yếu tố đầu vào, chi phí sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng; thị trường xuất, nhập khẩu lớn bị thu hẹp; khả năng cạnh tranh và sức chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế; dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn.

Với tinh thần vượt khó, quyết tâm cao và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành, của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; UBND tỉnh đã chủ động, linh hoạt và quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tập trung xây dựng các kịch bản cho từng giai đoạn, thời điểm cụ thể, nhất là kịch bản thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, đồng thời từng bước phục hồi sản xuất, kinh doanh, thích ứng với điều kiện mới, đưa nền kinh tế của tỉnh sớm vượt qua khó khăn, không lỡ nhịp với tiến trình phục hồi kinh tế của cả nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đề ra 13 nhóm chỉ tiêu, với 28 chỉ tiêu cụ thể. Đến nay có 03 chỉ tiêu vượt, 03 chỉ tiêu đạt, 19 chỉ tiêu có khả năng đạt và 03 chỉ tiêu có khả năng không đạt kế hoạch đề ra, gồm: Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP; Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm và Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP): Chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 9-10%/năm; ước thực hiện bình quân 03 năm (2021-2023) là 7,92%, đạt 88% kế hoạch; đánh giá cả nhiệm kỳ khó có khả năng đạt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19; tình hình thế giới thời gian tới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng nặng nề trên nhiều lĩnh vực; trong nước nền kinh tế tiếp tục chịu tác động kép từ các yếu tố tiêu cực bên ngoài và những hạn chế bất cập nội tại kéo dài nhiều năm. Do đó ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, khó đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 9-10%/năm.

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm: Chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 2% - 2,5%; ước thực hiện bình quân 03 năm (2021-2023) tăng 1,03%, đạt 51,5% kế hoạch, đánh giá cả nhiệm kỳ khó có khả năng đạt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ lệ tăng dân số cơ học của tỉnh đạt thấp, có năm giảm.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng: Chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 100%; ước thực hiện đến cuối năm 2023 đạt 70%, đánh giá cả nhiệm kỳ khó có khả năng đạt kế hoạch. Nguyên nhân là do hiện nay Bộ Y tế không còn cung cấp một số loại vắc xin, việc cập nhật số liệu tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng dịch vụ chưa đầy đủ, người dân chưa tích cực cho trẻ đến cơ sở y tế để tiêm chủng đúng lịch.

(Kèm theo Phụ lục kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025)

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu.

2.1. Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, thống nhất các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các cấp, các ngành, với tinh thần vừa có kế thừa và vừa có đổi

mới vì chưa có tiền lệ nên phải bám sát yêu cầu thực tiễn; vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Triển khai các giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 và tình hình thực tế của địa phương, có sự điều chỉnh, ứng phó kịp thời các tình huống. Thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ban Chỉ đạo phòng chống, dịch bệnh Covid-19 các cấp, các ngành với tinh thần trách nhiệm cao, toàn tâm, toàn lực và nghiêm túc thực hiện các nội dung về phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định Trung ương. Công tác cập nhật, triển khai các hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về truy vết, khoanh vùng, các phương án cách ly, chiến lược xét nghiệm, đánh giá nguy cơ, tổ chức phòng chống dịch tại khu công nghiệp được thực hiện đầy đủ, kịp thời; nhiều biện pháp chuyên môn chưa có tiền lệ, lần đầu tiên được áp dụng trên thực tiễn để đáp ứng với diễn biến mới của dịch bệnh, nhất là đối với sự lây lan nhanh của biến chủng Delta đã đem lại hiệu quả cao đi đôi với ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động truy vết ca bệnh, người tiếp xúc với ca bệnh; sức mạnh tổng hợp của các lực lượng hỗ trợ phòng chống dịch đã được phát huy mạnh mẽ.

Tính đến nay toàn tỉnh đã ghi nhận 120.703 ca mắc Covid-19, trong đó có 270 ca tử vong. Đã kịp thời chuyển đổi trạng thái và chính sách phù hợp với từng giai đoạn, diễn biến của dịch bệnh với 3 giai đoạn lớn: (1) Giai đoạn chống chịu với dịch bệnh (từ đầu năm 2021 đến tháng 9/2021); (2) Giai đoạn thích ứng với dịch bệnh (từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2022); (3) Giai đoạn phục hồi kinh tế và chủ động thích ứng với bối cảnh mới (từ tháng 7/2022 đến nay).

2.2. Phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Kinh tế của tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2023 ước đạt 7,92%, thu nhập bình quân đầu người đến hết năm 2023 ước đạt 93,2 triệu đồng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng: Nông lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 22%, Công nghiệp - Xây dựng chiếm 43,2%, Thương mại - Dịch vụ chiếm 34,8%.

a) Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với cơ cấu lại và chuyển đổi mô hình tăng trưởng; hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất và xây dựng các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp lâu năm, liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa, tạo ra nguồn nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến, cụ thể:

- Cây Điều: Diện tích 152.100 ha, diện tích cho sản phẩm trên 148.000 ha, sản lượng hàng năm gần 200.000 tấn. Sản xuất đã được chú trọng, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ dưới nhiều hình thức phù hợp với điều kiện sản xuất và nhu cầu của nông dân.

- Cây Cao su: diện tích hiện có 245.100 ha, diện tích cho sản phẩm trên 215.000 ha, sản lượng hàng năm trên 400.000 tấn (mủ khô). Ngoài việc, xuất khẩu mủ khô, các doanh nghiệp cao su trên địa bàn tỉnh đã mạnh dạn đầu tư chế

Với tinh thần vượt khó, quyết tâm cao và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành, của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; UBND tỉnh đã chủ động, linh hoạt và quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, tập trung xây dựng các kịch bản cho từng giai đoạn, thời điểm cụ thể, nhất là kịch bản thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, đồng thời từng bước phục hồi sản xuất, kinh doanh, thích ứng với điều kiện mới, đưa nền kinh tế của tỉnh sớm vượt qua khó khăn, không lỡ nhịp với tiến trình phục hồi kinh tế của cả nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đề ra 13 nhóm chỉ tiêu, với 28 chỉ tiêu cụ thể. Đến nay có 03 chỉ tiêu vượt, 03 chỉ tiêu đạt, 19 chỉ tiêu có khả năng đạt và 03 chỉ tiêu có khả năng không đạt kế hoạch đề ra, gồm: Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP; Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm và Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP): Chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 9-10%/năm; ước thực hiện bình quân 03 năm (2021-2023) là 7,92%, đạt 88% kế hoạch; đánh giá cả nhiệm kỳ khó có khả năng đạt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19; tình hình thế giới thời gian tới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng nặng nề trên nhiều lĩnh vực; trong nước nền kinh tế tiếp tục chịu tác động kép từ các yếu tố tiêu cực bên ngoài và những hạn chế bất cập nội tại kéo dài nhiều năm. Do đó ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, khó đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 9-10%/năm.

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm: Chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 2% - 2,5%; ước thực hiện bình quân 03 năm (2021-2023) tăng 1,03%, đạt 51,5% kế hoạch, đánh giá cả nhiệm kỳ khó có khả năng đạt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ lệ tăng dân số cơ học của tỉnh đạt thấp, có năm giảm.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng: Chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 100%; ước thực hiện đến cuối năm 2023 đạt 70%, đánh giá cả nhiệm kỳ khó có khả năng đạt kế hoạch. Nguyên nhân là do hiện nay Bộ Y tế không còn cung cấp một số loại vắc xin, việc cập nhật số liệu tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng dịch vụ chưa đầy đủ, người dân chưa tích cực cho trẻ đến cơ sở y tế để tiêm chủng đúng lịch.

(Kèm theo Phụ lục kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025)

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu.

2.1. Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, thống nhất các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các cấp, các ngành, với tinh thần vừa có kế thừa và vừa có đổi

mới vì chưa có tiền lệ nên phải bám sát yêu cầu thực tiễn; vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Triển khai các giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 và tình hình thực tế của địa phương, có sự điều chỉnh, ứng phó kịp thời các tình huống. Thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ban Chỉ đạo phòng chống, dịch bệnh Covid-19 các cấp, các ngành với tinh thần trách nhiệm cao, toàn tâm, toàn lực và nghiêm túc thực hiện các nội dung về phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định Trung ương. Công tác cập nhật, triển khai các hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về truy vết, khoanh vùng, các phương án cách ly, chiến lược xét nghiệm, đánh giá nguy cơ, tổ chức phòng chống dịch tại khu công nghiệp được thực hiện đầy đủ, kịp thời; nhiều biện pháp chuyên môn chưa có tiền lệ, lần đầu tiên được áp dụng trên thực tiễn để đáp ứng với diễn biến mới của dịch bệnh, nhất là đối với sự lây lan nhanh của biến chủng Delta đã đem lại hiệu quả cao đi đôi với ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động truy vết ca bệnh, người tiếp xúc với ca bệnh; sức mạnh tổng hợp của các lực lượng hỗ trợ phòng chống dịch đã được phát huy mạnh mẽ.

Tính đến nay toàn tỉnh đã ghi nhận 120.703 ca mắc Covid-19, trong đó có 270 ca tử vong. Đã kịp thời chuyển đổi trạng thái và chính sách phù hợp với từng giai đoạn, diễn biến của dịch bệnh với 3 giai đoạn lớn: (1) Giai đoạn chống chịu với dịch bệnh (từ đầu năm 2021 đến tháng 9/2021); (2) Giai đoạn thích ứng với dịch bệnh (từ tháng 10/2021 đến tháng 6/2022); (3) Giai đoạn phục hồi kinh tế và chủ động thích ứng với bối cảnh mới (từ tháng 7/2022 đến nay).

2.2. Phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Kinh tế của tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2023 ước đạt 7,92%, thu nhập bình quân đầu người đến hết năm 2023 ước đạt 93,2 triệu đồng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng: Nông lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 22%, Công nghiệp - Xây dựng chiếm 43,2%, Thương mại - Dịch vụ chiếm 34,8%.

a) Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với cơ cấu lại và chuyển đổi mô hình tăng trưởng; hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất và xây dựng các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp lâu năm, liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa, tạo ra nguồn nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến, cụ thể:

- Cây Điều: Diện tích 152.100 ha, diện tích cho sản phẩm trên 148.000 ha, sản lượng hàng năm gần 200.000 tấn. Sản xuất đã được chú trọng, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ dưới nhiều hình thức phù hợp với điều kiện sản xuất và nhu cầu của nông dân.

- Cây Cao su: diện tích hiện có 245.100 ha, diện tích cho sản phẩm trên 215.000 ha, sản lượng hàng năm trên 400.000 tấn (mủ khô). Ngoài việc, xuất khẩu mủ khô, các doanh nghiệp cao su trên địa bàn tỉnh đã mạnh dạn đầu tư chế



biển sâu, như: nệm, gối, găng tay... nhằm phục vụ cho công nghiệp cung cấp thị trường trong và ngoài nước, ưu tiên xuất khẩu.

- Hồ tiêu: diện tích hiện có 13.550 ha, diện tích cho sản phẩm trên 13.000 ha, sản lượng hàng năm trên 26.000 tấn. Hồ tiêu được trồng tương đối tập trung, đã thu hút doanh nghiệp tham gia, hình thành 01 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ tại các vùng trồng tập trung với khoảng 2.000 ha. Hồ tiêu được khuyến khích trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, Rainforest Alliance... đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Chăn nuôi ngày càng khẳng định được vị thế và phát triển mạnh mẽ theo đúng quy hoạch. Hiện toàn tỉnh có 478 trang trại, trong đó tỷ lệ trang trại chuồng kín, lạnh chiếm 66% (315 trang trại), có 390 trang trại chăn nuôi heo; 88 trang trại chăn nuôi gia cầm (80 trại gà và 8 trại vịt). Tổng đàn gia súc, gia cầm phát triển theo hướng xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, chăn nuôi công nghiệp gắn với chuỗi giá trị; tiếp tục phát triển cả về quy mô và tổ chức sản xuất, thu hút các tập đoàn lớn đến đầu tư như: CP, JAPFA, DABACO, NEW HOPE...

Về lâm nghiệp, thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ phòng, chống phá rừng, lấn chiếm đất rừng và ngăn chặn khai thác, vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản trái pháp luật. Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm đến nay ước đạt 75,6%.

Về xây dựng nông thôn mới: Đạt được nhiều kết quả tích cực, nhất là thực hiện tốt chủ trương xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù. Trong giai đoạn 2021-2023, tỉnh đã hoàn thành xây dựng hơn 1.000 km đường giao thông nông thôn. Hiện có 73/86 xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 84,88% kế hoạch; có 03/11 huyện thị hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Số tiêu chí bình quân của toàn tỉnh ước đến tháng 6/2023 là 18,22 tiêu chí.

b) Công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) bình quân 03 năm 2021-2023 tăng 18,7%. Trong đó: năm 2021 tăng 15%, năm 2022 tăng 23,08%, năm 2023 ước tăng 18%.

Các sản phẩm có giá trị sản xuất lớn và chủ lực của tỉnh: Hạt điều nhân năm 2021 tăng 25,98%, năm 2022 tăng 25,1%, 06 tháng đầu năm 2023 ước tăng 20%; Vải sợi, may mặc năm 2021 tăng 11,2%, năm 2022 tăng 3,38%, 06 tháng đầu năm 2023 ước tăng 3%; Chế biến gỗ, ván MDF năm 2021 tăng 10,82%, năm 2022 tăng 87,4%, 06 tháng đầu năm 2023 ước tăng 5%.

c) Thương mại - Dịch vụ:

Thường xuyên thông tin về thị trường xuất nhập khẩu nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động đối phó các khó khăn trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc; thông tin về định hướng thị trường xuất khẩu, các rào cản thương mại, an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS). Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 ước đạt 4 tỷ 150 triệu USD, đạt 83% kế hoạch; tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân 03 năm 2021-2023 ước đạt 11,78%.

Tổ chức Hội nghị kết nối, tiêu thụ sản phẩm vào hệ thống cửa hàng tiện lợi Bách Hóa Xanh với sự tham gia của Công ty CP Thương mại Bách Hóa

Xanh và 14 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh, nhằm hỗ trợ việc giới thiệu, kết nối, tiêu thụ sản phẩm vào hệ thống phân phối, góp phần hình thành chuỗi cung ứng từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Hàng năm tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày thương hiệu Việt Nam (20/4) và thực hiện tốt cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng bình quân 03 năm 2021-2023 là 11,55%. Phối hợp với các sàn thương mại điện tử tổ chức 04 lớp tập huấn về kỹ năng kinh doanh trên sàn thương mại điện tử cho đối tượng hộ nông dân, tổ hợp tác, chủ trang trại trên địa bàn 04 huyện của tỉnh. Sàn giao dịch nông sản của tỉnh đã hỗ trợ được 91 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với 375 sản phẩm tham gia chào bán trên sàn. Tổ chức phiên chợ không dùng tiền mặt tại thành phố Đồng Xoài với 25 đơn vị tham gia.

d) Tài chính, ngân hàng

Công tác thu ngân sách nhà nước đạt kết quả đáng khích lệ, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh hàng năm luôn vượt dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh đã thông qua và tăng cao so với năm trước. Thu ngân sách năm 2023 ước thực hiện 14.930 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch giai đoạn 2021-2025. Cơ cấu chi ngân sách hàng năm được xây dựng theo hướng tăng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước có chiều hướng tăng, bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 32%, cao hơn bình quân cả nước là 26%, dự kiến giai đoạn 2021-2025 đạt 41% (bình quân cả nước là 28%). Trong khi đó, tỷ trọng chi thường xuyên trên tổng chi ngân sách nhà nước có chiều hướng giảm, bình quân giai đoạn 2016-2020 là 60% (bình quân cả nước dưới 64%); dự kiến giai đoạn 2021-2025 là 46% (bình quân cả nước là 62%). Nợ công của tỉnh được đảm bảo, năm 2023 dư nợ vay của tỉnh là 8% trần nợ công được phép vay.

Về tín dụng ngân hàng, huy động vốn đến cuối tháng 6/2023 ước đạt 52.000 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 03 năm 2021-2023 là 6,85%. Dư nợ tín dụng đến cuối tháng 6/2023 đạt 119.500 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 03 năm 2021-2023 là 8,74%. Nợ xấu trong kỳ luôn duy trì ở mức thấp dưới 1%.

2.3. Cơ cấu lại nền kinh tế, tiếp tục lựa chọn ngành, lĩnh vực trọng tâm để đầu tư hiệu quả; nâng cao vai trò quản lý của nhà nước, xây dựng các chính sách phù hợp thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Về nông nghiệp: Đã ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều đề án, chính sách quan trọng, nhất là Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò trụ đỡ trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Giai đoạn 2021-2023 sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản tiếp tục phát triển đa dạng về cơ cấu sản phẩm (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến) và loại hình tổ chức (hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp), đã hình thành các vùng sản xuất quy mô vừa và lớn, đặc biệt trong chăn nuôi (heo, gà), cây lâu năm (điều, cao su, hồ tiêu), với xu thế đa dạng hóa tổ chức sản xuất cũng phát triển song song với hình thức truyền thống như: Hợp tác xã, tổ hợp tác, các nhóm kinh tế phi chính thức, dựa trên nguyên tắc liên kết kinh tế tự nguyện giữa các nông hộ đã trở nên phổ biến hơn.

Hình thành một số vùng chuyên canh, liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa, đặc biệt là các ngành hàng: Cao su, điều, hồ tiêu đã tạo ra nguồn nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến.

Chăn nuôi phát triển theo quy mô công nghiệp, gắn với chuỗi giá trị. Đã thu hút được nhiều tập đoàn chăn nuôi lớn như: CP, Japfa Comfeed Việt Nam, New Hope, Vietswan, Sunjin, Velmar, BaF Việt, Dabaco, Hòa Phước, Làng Sen đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Về công nghiệp: Đã ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều đề án quan trọng phát triển công nghiệp, góp phần đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp cơ bản có chuyển biến tích cực theo đúng định hướng tái cơ cấu ngành, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến chủ lực của tỉnh như: chế biến hạt điều, chế biến gỗ ván MDF, chế biến thực phẩm heo, gà. Công nghiệp hỗ trợ được quan tâm, từng bước hình thành hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ, thúc đẩy tăng cường liên kết, xây dựng chuỗi cung ứng. Năng lượng điện mặt trời hoàn thành được 6 dự án với tổng công suất 850 MWp. Thu hút một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ, tạo nền tảng cho xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Về thương mại - dịch vụ: Đã ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống thương mại, thương mại điện tử, thương mại biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Cơ cấu lại ngành thương mại - dịch vụ tiếp tục được thúc đẩy theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, công nghệ thông tin, logistic, dịch vụ kỹ thuật, tư vấn pháp lý được tập trung phát triển. Tổ chức Hội nghị kết nối cung cầu giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đông Nam Bộ tại Bình Phước. Hoạt động thương mại dịch vụ từng bước được đầu tư hiện đại ở một số địa bàn; hệ thống phân phối hàng hóa đã phủ khắp các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh góp phần phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân; đã và đang hình thành thói quen tiêu dùng văn minh, hiện đại đối với bà con tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi phương thức cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp cũng như tiêu dùng của người dân, theo đó các hình thức dịch vụ hiện đại được ứng dụng rộng rãi như: thương mại và thanh toán điện tử, ngân hàng điện tử, giáo dục đào tạo trực tuyến... Dịch vụ du lịch phục hồi mạnh mẽ, đánh dấu mốc quan trọng cho sự phát triển du lịch trở lại gắn với việc thực hiện mở cửa hoạt động du lịch sau đại dịch Covid-19 kéo dài.

2.4. Công tác phát triển vùng được tổ chức thực hiện hiệu quả; công tác lập quy hoạch tỉnh được đẩy mạnh.

Trong công tác phát triển vùng, tỉnh Bình Phước đã chủ động xây dựng Chương trình, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ

và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm khai thác, phát huy hiệu quả các lợi thế chiến lược (đất đai và vị trí địa lý) trong xu hướng dịch chuyển và lan tỏa của vùng, giải quyết những nút thắt chiến lược để đưa tỉnh Bình Phước từ vị trí “dự trữ” thành một “động lực” tăng trưởng và phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía nam và sự lan tỏa của địa phương kết nối với Tây Nguyên

Công tác lập Quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 được triển khai bám sát theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo, qua gần 2 năm triển khai thực hiện đến nay đã hoàn thiện. Ngày 24/11/2022, Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đã tổ chức hội nghị thẩm định quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã ban hành Báo cáo thẩm định số 8770/BC-HĐTĐ ngày 01/12/2022. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Quy hoạch tỉnh đã được tiếp thu, hoàn thiện, được Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo lập quy hoạch tỉnh chấp thuận và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023.

Căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh ban hành quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh đã thống nhất hồ sơ tài liệu, trình Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh rà soát, xác nhận. Quy hoạch tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét đảm bảo tiến độ và quy trình lập quy hoạch tỉnh.

2.5. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị.

- Về kết cấu hạ tầng giao thông: Triển khai thực hiện đề án kết nối vùng tại Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 đảm bảo tính đồng bộ kết nối giữa các vùng và khu vực, theo đó tổng số dự án được đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 là 34 dự án, trong đó ưu tiên 1 là 20 dự án; ưu tiên 2 là 7 dự án; ưu tiên 3 là 7 dự án. Một số dự án trọng điểm đang triển khai thi công như: Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu Hoa Lư; Dự án xây dựng đường phía tây 13 kết nối Chơn Thành-Hoa Lư; Dự án nâng cấp ĐT.756 (Minh Lập-Lộc Hiệp); dự án xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B; Dự án đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa; Dự án đường Đồng Hưu-Bàu Nham; dự án đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú... Một số dự án trọng điểm đang hoàn thiện các thủ tục để triển khai khởi công: Dự án Xây dựng đường cao tốc Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); Dự án Xây dựng đường cao tốc TP. HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành; Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14; Dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.753; Dự án đường Đồng Phú - Bình Dương; Dự án xây dựng tuyến tây 13 kết nối Bàu Bàng...

- Về hạ tầng thông tin, viễn thông: Đã triển khai ứng dụng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh (IOC tỉnh) để lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội. Các nền tảng dùng chung của tỉnh đã đảm bảo liên thông dọc và ngang giữa các cấp, các ngành để chia sẻ dữ liệu và giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến. Đã hoàn thành phủ sóng



mạng 3G, 4G, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình số mặt đất. Triển khai thử nghiệm lắp đặt mạng 5G thành công hai nhà mạng VNPT, Viettel tại quảng trường tỉnh. Phủ sóng tuyến đường tuần tra biên giới đảm bảo quốc phòng an ninh với 54 trạm phát sóng thông tin di động. Mạng lưới bưu chính công cộng rộng khắp, bảo đảm mỗi xã có 01 điểm phục vụ. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cho phép kết nối 150 điểm cầu; đã triển khai các hội nghị, cuộc họp trực tuyến từ trung ương đến tỉnh, từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

- Về phát triển đô thị: Đã tập trung xây dựng và chỉnh trang đô thị thành phố Đồng Xoài, huyện Chơn Thành lên thị xã Chơn Thành. Trên địa bàn tỉnh có 11 đô thị đóng vai trò là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế xã hội của tỉnh và của 11 huyện, thị xã, thành phố, gồm: 01 đô thị loại III, 03 đô thị loại IV, 05 đô thị loại V, và 2 xã đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đến nay đạt 38,2%. Đã triển khai thực hiện các đề án về phát triển đô thị của tỉnh như: Đề án phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển các khu dân cư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch nâng cấp xã đủ tiêu chuẩn lên đô thị loại V, giai đoạn 2021-2030; và các đề án phát triển đô thị của các huyện, thị xã, thành phố do các địa phương thực hiện.

2.6. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư.

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội huy động từ đầu nhiệm kỳ đến nay (cuối tháng 6/2023) là 72.145 tỷ đồng, đạt 39% kế hoạch. Tốc độ tăng bình quân 03 năm 2021-2023 là 14,2%. Trong đó, vốn kinh tế tư nhân và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng mạnh (ước đạt khoảng 17%/năm).

Về đầu tư công, kế hoạch vốn đã giao 03 năm 2021-2023 là 18.504 tỷ 868 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương là 3.277 tỷ 784 triệu đồng và vốn ngân sách địa phương là 15.227 tỷ 084 triệu đồng. Ước thực hiện giải ngân đến cuối năm 2023 là 16.674 tỷ 601 triệu đồng, đạt 90% kế hoạch, trong đó vốn ngân sách trung ương đạt 91% và vốn ngân sách địa phương đạt 89,8%. Qua gần 3 năm thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, với tinh thần nghiêm túc tuân thủ pháp luật về đầu tư công, định hướng của Trung ương và bám sát vào Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh, đầu tư công của tỉnh cơ bản đã khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải; kiểm soát số lượng từng dự án khởi công mới bảo đảm thật sự cần thiết và hiệu quả; nhiều dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và kinh tế hợp tác

Chính sách thu hút đầu tư đang được chuyển dần từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên các dự án có công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, có mô hình quản trị hiện đại. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, thu hút đầu tư trong nước được 157 dự án, với số vốn đăng ký là 28.929 tỷ đồng, lũy kế đến cuối tháng 6/2023 toàn tỉnh ước có 1.222 dự án, với số vốn đăng ký là 119.256 tỷ 840 triệu đồng; thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) được 110 dự án, với số vốn đăng ký là 1 tỷ 272

triệu USD, lũy kế đến cuối tháng 6/2023 toàn tỉnh có 378 dự án FDI, với số vốn là 4 tỷ 036 triệu USD.

Về phát triển doanh nghiệp, đã có bước phát triển vượt bậc cả về số lượng, quy mô, cơ cấu và chất lượng, góp phần thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, ngày càng có vai trò quan trọng, thực sự trở thành động lực phát triển của nền kinh tế. Trong 02 năm 2021-2022 và 06 tháng đầu năm 2023, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 2.834 doanh nghiệp, đạt 47,2% kế hoạch; lũy kế đến cuối tháng 6/2023 số doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn là 11.172 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 191.653 tỷ đồng.

Kinh tế hợp tác, hợp tác xã từng bước phát huy được vai trò, vị trí trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nhiều hợp tác xã ứng dụng công nghệ, chủ động liên kết, tham gia chuỗi giá trị để tăng quy mô, hiệu quả và phát triển bền vững, đem lại lợi ích thiết thực cho xã viên. Số hợp tác xã thành lập mới từ đầu nhiệm kỳ đến nay là 79 hợp tác xã, đạt 52,67% kế hoạch; lũy kế đến cuối tháng 6/2023 toàn tỉnh có 316 hợp tác xã.

2.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ.

Công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực có kỹ năng nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng; phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập theo hình thức xã hội hóa được quan tâm, từng bước đáp ứng được nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất, đặc biệt nguồn lao động cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, tỉnh có 20 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, trong giai đoạn 2021-2023 đào tạo nghề cho 25.516 lao động, đạt 51,32% kế hoạch. Phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học có chất lượng trong cả nước để thành lập phân hiệu trường đại học trên địa bàn tỉnh; đến nay, tỉnh đã trao đổi, làm việc và hoàn thành báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Đề án thành lập Phân hiệu Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh tại tỉnh Bình Phước.

Lĩnh vực khoa học công nghệ, đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 370-KL/TU ngày 25/6/2022 về định hướng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định triển khai thực hiện¹. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã triển khai 47 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, 33 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở; phối hợp các viện, trường, chuyên gia thẩm định 07 công nghệ, kết quả nghiên cứu không dùng ngân sách nhà nước; tư vấn, hỗ trợ 104 doanh nghiệp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chứng nhận nhãn hiệu. Thực hiện thanh tra, kiểm tra lĩnh vực đo lường, chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường; kiểm tra, xử lý 04 vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2.8. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm hài hòa giữa phát triển văn hóa xã hội với phát triển kinh tế.

¹ Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 17/10/2022, Kế hoạch 324/KH-UBND ngày 31/10/2022.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực. Đã ban hành Kế hoạch và tổ chức các sự kiện văn hóa, tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của tỉnh như: Tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân; tuyên truyền kỷ niệm Ngày Giải phóng tỉnh Bình Phước; tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng huyện Lộc Ninh và đón nhận Huân chương độc lập hạng Nhì; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Chốt chặn Tàu Ô... Đây là những sự kiện lịch sử có ý nghĩa hết sức quan trọng, vừa mang tính chính trị, tôn vinh và khơi dậy những giá trị lịch sử truyền thống tự hào dân tộc. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được đầu tư; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt” đạt kết quả ngày càng cao, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng. Ước đến cuối năm 2023 có 95,95% hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 97,65% thôn, ấp, khu phố và tương đương được công nhận, giữ vững danh hiệu “Thôn, ấp, khu phố văn hóa”; 98,35% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa tiếp tục thực hiện đúng quy định. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 45 di tích được công nhận xếp hạng, trong đó có: 05 di tích quốc gia đặc biệt, 12 di tích quốc gia và 28 di tích cấp tỉnh. Tổng số di sản được ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia lên 06 di sản và 01 di sản văn hóa phi vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại Đờn ca tài tử Nam Bộ. Từ năm 2021 đến nay, đã đề nghị và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đối với 03 di sản văn hóa phi vật thể.

Hoạt động thể dục thể thao có nhiều tiến bộ, thể thao quần chúng phát triển; phong trào tập luyện thể dục thể thao đã được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng tích cực, trong đó có sự tham gia nhiệt tình của đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, công nhân tại các khu công nghiệp. Tổ chức thành công một số giải truyền thống như giải vô địch việt dã leo núi toàn quốc “Chinh phục đỉnh cao Bà Rá”; Đại hội Thể dục thể thao các cấp năm 2022. Thể thao thành tích cao của tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực, tham dự Seagames 31 và 32 đạt 05 HCV, 02 HCB, 05 HCD.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt nhiều kết quả quan trọng, chủ động trong công tác dạy và học thích ứng linh hoạt, an toàn với tình hình, diễn biến dịch Covid-19. Việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đúng lộ trình, nội dung và đã được 100% cán bộ, giáo viên và đại đa số phụ huynh học sinh đánh giá tốt, hầu hết các trường đã thực hiện tốt công tác tiếp cận Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình mới của các trường được tập huấn, bồi dưỡng đầy đủ các mô đun theo yêu cầu và thực hiện khá tốt chương trình, sách giáo khoa mới. Chất lượng giáo dục ở các cấp học từng bước được nâng lên; giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực. Đội tuyển học sinh giỏi của tỉnh đã đạt nhiều thành tích cao trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia. Trong 03 năm 2021-2023, tỉnh duy trì công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tại các địa phương; có 11/11 huyện/thị xã và 111/111 xã,

phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và phổ cập trung học cơ sở; tỉnh Bình Phước đã được công nhận đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; 18/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập bậc THPT. Toàn tỉnh hiện có 148/389 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 38,04% so với tổng số trường (nghị quyết đề ra là 70%). Về giáo dục ngoài công lập, hệ thống trường mầm non ngoài công lập tiếp tục có bước phát triển, số trường ngoài công lập năm 2023 là 43 trường/456 lớp, nhóm mẫu giáo, mầm non ngoài công lập, thu hút 10.784 trẻ mẫu giáo, mầm non đến trường, chiếm tỷ lệ 22,75% so với tổng số trẻ đi học mẫu giáo, mầm non trên địa bàn tỉnh. Về phân luồng học sinh trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh vào lớp 10 năm 2021 đạt 83,39%, năm 2022 đạt 84,94%, năm 2023 đạt 75,91%.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Tình hình các loại dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, đã chủ động triển khai thực hiện các biện pháp, không để dịch bùng phát xảy ra hiện tượng “dịch chồng dịch”, dịch sốt xuất huyết được khống chế; dịch bệnh sốt rét đã duy trì đạt mục tiêu 3 giảm (không có dịch sốt rét xảy ra, số ca mắc sốt rét giảm, không có ca tử vong). Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật được tăng cường đầu tư; chú trọng nâng cao ý thức, phục vụ tốt người bệnh tại các cơ sở khám và điều trị trên địa bàn tỉnh.

Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề đạt kết quả nổi bật, từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã giải quyết việc làm cho 111.906 lao động, đạt 56% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đến cuối năm 2023 đạt 65% (kế hoạch là 70%).

Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm mạnh qua từng năm, năm 2021 toàn tỉnh giảm 2.378 hộ, năm 2022 giảm được 2.491 hộ; ước thực hiện năm 2023 giảm 2.000 hộ nghèo, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra mỗi năm giảm từ 2.000-2.500 hộ; đưa tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh hiện chỉ còn 1,75% so với dân số (đầu nhiệm kỳ là 5,6%), trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số là 2.835 hộ, chiếm tỷ lệ 6,17%.

Công tác thực hiện chính sách người có công và công tác “đền ơn đáp nghĩa” được Đảng, nhà nước chính quyền các cấp quan tâm, mọi tầng lớp nhân dân chung tay hỗ trợ nên đời sống của người có công ngày càng được ổn định, mức sống ngày càng được nâng cao cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần góp phần rất lớn trong công tác ổn định trật tự xã hội tại địa phương. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã tiếp nhận và giải quyết 10.832 hồ sơ chính sách cho người có công; đã giải quyết điều dưỡng cho 4.196 lượt người có công, trong đó có 3.859 lượt người điều dưỡng tại gia đình.

Công tác dân tộc được đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt. Các chính sách đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội đối với già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện kịp thời; vai trò của già làng, người có uy tín tiếp tục được củng cố và phát huy với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác vận động, tuyên truyền vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kịp thời triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, cùng với các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm

2021 đến năm 2025. Triển khai có hiệu quả chương trình giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số với kết quả các năm 2021, năm 2022 thực hiện giảm được 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số mỗi năm, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Công tác tôn giáo được Đảng, chính quyền quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo Hiến chương, Điều lệ và giải quyết kịp thời các nhu cầu tôn giáo chính đáng và hợp pháp của các tổ chức tôn giáo đúng theo quy định của pháp luật. Các tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó với chính quyền, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương và chung tay với chính quyền các cấp trong công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2.9. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

Thực thi các quy định pháp luật về quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, UBND tỉnh Bình Phước đã chủ động trong công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đồng thời đẩy nhanh tiến độ phục hồi, tái thiết sau thiên tai, góp phần ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân. Các dự án phần lớn tập trung vào loại hình: chăn nuôi gia súc, gia cầm, khai thác khoáng sản, chế biến gỗ, khu dân cư, khu thương mại... Nhìn chung, các chủ đầu tư dự án hiện nay đã nghiêm túc thực hiện công tác lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ, thủ tục môi trường theo quy định.

Công tác giao đất, cho thuê đất, kiểm tra, xử lý thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉnh lý biến động đất đai cho các tổ chức và cá nhân được triển khai đúng quy định. Tỷ lệ diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 98% trên tổng diện tích, trong đó tỷ lệ diện tích CGCN đối với Quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần quy hoạch 3 loại rừng đạt 78,6% trên tổng diện tích cần cấp. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường được tăng cường, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, cơ sở chế biến mủ cao su, tinh bột mì, trang trại chăn nuôi heo... Sự suy thoái môi trường sống khu đô thị, khu vực nông thôn được kiểm soát. Công tác xã hội hóa về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; nhiều mô hình tự quản với đông đảo người dân tham gia thu gom rác thải, phân loại rác tại nguồn. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 90%; tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở nông thôn được thu gom, xử lý đạt 60%; tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 85%.

2.10. Cải cách hành chính, kỷ cương, kỷ luật hành chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí đạt kết quả tích cực.

Công tác cải cách thủ tục hành chính được các ngành, các cấp quan tâm; thường xuyên rà soát, đơn giản hóa theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết,

công khai minh bạch, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tỉnh Bình Phước hiện có 1.432 dịch vụ công kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, là một trong những tỉnh, thành đứng đầu cả nước. Bình Phước xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính cấp tỉnh, cấp huyện được đẩy mạnh với 42.552 giao dịch, tổng số tiền hơn 330 tỷ đồng.

Thực hiện Chiến dịch cao điểm 92 ngày đêm “Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển Chính quyền số”. Kết quả đánh giá các chỉ tiêu, trong đó có 3/5 chỉ tiêu hoàn thành sớm và vượt mức mục tiêu đề ra chỉ tiêu tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ; tỷ lệ Hồ sơ dịch vụ công xử lý trực tuyến; tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến), 02/5 chỉ tiêu xấp xỉ đạt (chỉ tiêu thủ tục hành chính có tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn, chỉ tiêu Tỷ lệ số hóa hồ sơ).

Hoạt động chuyển đổi số tại tỉnh được đẩy mạnh toàn diện với kết quả DTI năm 2021 (chỉ số đánh giá chuyển đổi số) của tỉnh xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố cả nước (được công bố tháng 8/2022). Chính quyền số được phát triển với việc hiện đại hóa hoạt động hành chính, ứng dụng ký số, sử dụng văn bản điện tử, hợp không giấy, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Thành lập 111 tổ công nghệ cộng đồng cấp xã với 1.080 thành viên, 845 tổ công nghệ cộng đồng ấp với 5.426 thành viên.

Chỉ số PCI Bình Phước năm 2022 tăng 7 bậc so với năm 2021, đứng thứ 43/63 tỉnh thành, so với đầu nhiệm kỳ tăng 18 bậc. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2022 của tỉnh tăng 10 bậc so với năm 2021, đứng thứ 39/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2022 của tỉnh tăng 06 bậc so với năm 2021, đứng thứ 56/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban ngành và địa phương (DDCI) năm 2021 có 11 Sở thuộc nhóm rất tốt và 3 Sở thuộc nhóm chưa tốt; cấp huyện có 8 đơn vị thuộc nhóm rất tốt và 3 đơn vị thuộc nhóm chưa tốt.

Công tác thanh tra đã chủ động triển khai thực hiện các cuộc thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt đúng trọng tâm, trọng điểm. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã thực hiện 144 cuộc thanh tra hành chính (kỳ trước chuyển sang 05 cuộc, triển khai trong kỳ 127 cuộc), theo kế hoạch 117 cuộc, đột xuất 24 cuộc. Kết quả đã xử lý hành chính đối với 36 tổ chức, 98 cá nhân, kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước với số tiền 23 tỷ 396 triệu đồng.

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của người dân được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã tiếp trên 13.400 lượt công dân tại các buổi tiếp công dân định kỳ và tiếp theo kế hoạch, với hơn 5.900 vụ việc. Tổng số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết là 298 đơn (228 đơn khiếu nại, 70 đơn tố cáo). Đã giải quyết 213 đơn (166 đơn khiếu nại, 47 đơn tố cáo), đạt tỷ lệ giải quyết là 71,14%.

Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm và chỉ đạo quyết liệt. Thực hiện rà soát việc thực hiện kết luận các cuộc thanh tra về kinh tế - xã hội



và các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với các đơn vị được thanh tra, kiểm toán. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng tồn đọng phức tạp, kéo dài. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kê khai tài sản thu nhập của các đối tượng theo quy định; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

2.11. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, tuyến biên giới quốc gia được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh.

Quốc phòng, an ninh được giữ vững; an ninh biên giới được chú trọng, tăng cường. Thực hiện tốt diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện; không để xảy ra hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia. Lực lượng Công an tỉnh, huyện tiếp tục phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng, Dân quân xã bố trí ứng trực 24/24 tại các chốt kiểm dịch, đường ngầm, lối mở và các điểm cách ly tập trung nhằm đảm bảo an ninh trật tự, ngăn chặn tình trạng xuất nhập cảnh trái phép và phòng, chống dịch Covid-19. Phối hợp với các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh, an toàn Chương trình giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam - Campuchia và Lễ kỷ niệm 45 năm “Con đường tiến tới đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt” của Thủ tướng Campuchia Hun Sen, góp phần thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị giữa hai nước.

Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, không để xảy ra điểm nóng, biểu tình, bạo loạn. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội cơ bản được kiềm chế, không để hình thành băng nhóm tội phạm có tổ chức gây án nghiêm trọng. Trật tự an toàn giao thông được chấn chỉnh, tai nạn giao thông hàng năm đều giảm trên cả ba mặt² (số vụ, số người chết, số người bị thương). Công tác điều tra, truy tố, xét xử các loại án đều đạt tỷ lệ cao, trong đó, các vụ án, vụ việc phức tạp, nổi cộm, dư luận xã hội quan tâm được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xử lý quyết liệt, đúng quy định.

Hoạt động đối ngoại từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thúc đẩy liên kết khu vực và hợp tác quốc tế, tăng cường quảng bá hình ảnh của tỉnh đến cộng đồng quốc tế. Mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài, nhất là các doanh nghiệp của Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Úc, New Zealand, Hà Lan... Đối với công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào, từ đầu nhiệm kỳ đến nay, trên địa bàn tỉnh có 49 đoàn ra, với khoảng 560 lượt người đi công tác, xúc tiến đầu tư, học tập ở nước ngoài và 77 đoàn vào với khoảng 1.154 lượt người nước ngoài đến thăm, làm việc, nghiên cứu và hoạt động tại tỉnh. Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia và một số tỉnh Nam Lào ngày càng phát triển tốt đẹp. Trên tuyến biên giới được giữ vững ổn định, bảo vệ an toàn các cột mốc, cọc dấu, không phát sinh vấn đề phức tạp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

² Trong kỳ xảy ra 384 vụ; làm chết 307 người, bị thương 233 người, so với cùng kỳ khóa trước giảm 28 vụ, giảm 30 người chết, giảm 43 người bị thương. Trật tự an toàn giao thông đã xử lý vi phạm hành chính 72.191 trường hợp, với tổng số tiền hơn 164 tỷ đồng, tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 14.262 trường hợp, tạm giữ 23.967 phương tiện.

1. Về kết quả nổi bật

(1) Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, năm 2021 tỉnh đã tổ chức thành công bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Triển khai Hội nghị học tập, quán triệt các Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Thành lập 12 Ban chủ nhiệm để triển khai thực hiện 47 nhiệm vụ, đề án, quy hoạch, kế hoạch theo Chương trình hành động số 17-Ctr/TU của Tỉnh ủy. Thành lập thị xã Chơn Thành và các phường thuộc thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

(2) Kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, bình quân 03 năm 2021-2023 ước đạt 7,92%, tạo đà quan trọng cho các năm tiếp theo. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Thực hiện 03 đột phá chiến lược đạt một số kết quả tích cực, quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên.

(3) Tăng cường chăm lo phát triển văn hóa, xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, đầy đủ, nhất là các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Đời sống người có công với cách mạng, người nghèo không ngừng được nâng lên, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng yếu thế khác được chăm lo chu đáo. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển.

(4) Công tác cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt và nâng cao hiệu quả. Hoạt động chuyển đổi số được đẩy mạnh, chính quyền số được phát triển với việc hiện đại hóa hoạt động hành chính, ứng dụng ký số, sử dụng văn bản điện tử, hợp không giấy, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước được kiện toàn, tinh giảm biên chế được đẩy mạnh.

(5) Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, hoạt động đối ngoại được mở rộng và nâng cao. Quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia và Nam Lào ngày càng phát triển tốt đẹp.

2. Những khó khăn, hạn chế

a) Lĩnh vực kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế 03 năm 2021-2023 tuy ước đạt khá 7,92%, nhưng khó đạt mục tiêu nghị quyết đề ra là 9-10%.

- Xuất nhập khẩu còn gặp nhiều khó khăn do chi phí vận chuyển hàng hóa và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng. Tổng cầu thế giới giảm, các thị trường xuất khẩu, nhất là các thị trường lớn, truyền thống như Mỹ, EU, Trung Quốc... thu hẹp lại.

- Công tác quy hoạch thời gian qua chưa thật sự hiệu quả; giá cả nông sản không ổn định, đứt gãy một số khâu, phụ thuộc nhiều vào thị trường, việc chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, chưa bền vững. Cơ sở hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp có sự tăng trưởng chậm lại do thị trường bị thu hẹp, trong khi doanh nghiệp chưa kịp thích ứng để chuyển đổi mô hình sản xuất và tìm các thị trường mới thay thế.

- Một số công trình, dự án trọng điểm còn triển khai chậm, do có nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, GPMB và thiếu vốn.

- Công tác đầu tư phát triển đô thị chưa tương xứng so với yêu cầu phát triển của quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo kết nối giữa các đô thị và các khu vực trong từng đô thị. Hệ thống các công trình hạ tầng xã hội như y tế, giáo dục, văn hóa, công viên cây xanh vẫn còn thiếu, tỷ lệ còn thấp.

- Công tác thu hút đầu tư tuy đã có khởi sắc nhưng còn chậm, việc hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do thị trường trong nước và quốc tế có nhiều biến động, giá cả đầu vào tăng cao. Thu hút FDI còn gặp nhiều khó khăn.

- Các doanh nghiệp của tỉnh đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa; trình độ quản lý thấp, chủ yếu là mô hình công ty gia đình; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, kỹ năng, tay nghề và tác phong công nghiệp còn yếu nên khả năng cạnh tranh thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của quá trình sản xuất công nghiệp.

- Hoạt động của hợp tác xã thiếu tính bền vững, không ổn định, dẫn tới khả năng cạnh tranh thấp, hiệu quả chưa cao, lợi ích kinh tế mang lại cho các thành viên chưa nhiều; một số nơi thành viên tham gia mang tính hình thức, chưa thu hút sự tham gia đầy đủ và phát huy tinh thần trách nhiệm của thành viên vào hoạt động cũng như công tác kiểm tra, giám sát HTX.

b) Lĩnh vực văn hóa, xã hội

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ; cơ cấu đội ngũ giáo viên một số địa phương chưa hợp lý, chất lượng giảng dạy chưa cao; công tác xã hội hoá đầu tư vào giáo dục chưa nhiều, chủ yếu chỉ đầu tư ở các cơ sở giáo dục mầm non; đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu xã hội.

- Hệ thống y tế của tỉnh, y tế cơ sở và y tế dự phòng còn hạn chế, chưa đủ năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Khả năng cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng đội ngũ cán bộ y tế chưa đồng đều, thiếu cán bộ chuyên khoa sâu tại các bệnh viện. Tình trạng thiếu thuốc, hóa chất, vật tư y tế trong thời gian qua làm ảnh hưởng công tác thu dung điều trị cũng là nguyên nhân làm giảm công suất sử dụng giường bệnh, dẫn đến khó khăn cho việc tăng giường bệnh công lập.

- Kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa bền vững, đời sống một bộ phận nhân dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh thấp hơn so với cả nước, nhưng số hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số còn chiếm tỷ lệ cao.

- Phong trào thể dục thể thao cấp cơ sở còn hạn chế, nhất là vùng sâu vùng xa. Công tác xã hội hóa trong tổ chức thi đấu các giải thể thao chưa cao,

kinh phí dành cho hoạt động thể thao cấp cơ sở còn hạn hẹp. Chưa thành lập được Hiệp hội Du lịch tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân ưu điểm

Những thành quả đạt được từ đầu nhiệm kỳ đến nay có nhiều nguyên nhân, song quan trọng nhất là do có sự đổi mới về tư duy, phương thức lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và giúp đỡ của các tỉnh, thành bạn đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bình Phước phát triển; sự ủng hộ và giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBMTTQVN tỉnh; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của UBND tỉnh và các cấp, các ngành, nhất là trong chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp như: chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; chính sách phục hồi và phát triển kinh tế theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh phân công, phân cấp trong tổ chức thực hiện gắn với trách nhiệm người đứng đầu; thường xuyên tổng kết, đánh giá, kế thừa kinh nghiệm và kết quả đạt được; tinh thần đoàn kết, chung sức, đồng lòng và niềm tin, kỳ vọng của người dân, cộng đồng doanh nghiệp vào khả năng phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan:

- Hai năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 gặp nhiều khó khăn, do đại dịch Covid-19 đã tác động, ảnh hưởng đến nhiều mặt của nền kinh tế, gây thiệt hại lớn trong nhiều ngành, lĩnh vực, cần có thời gian để phục hồi.

- Tình hình kinh tế chính trị thế giới biến động rất nhanh, mạnh, khó lường, phức tạp; cuộc xung đột Nga - Ukraina kéo dài đã tác động đến giá dầu thế giới dẫn đến việc tăng giá vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu trên thị trường làm ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Thu hút FDI gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch covid-19, cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt, các dự án FDI chủ yếu đầu tư tại các tỉnh, thành phố có điều kiện thuận lợi như Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.

- Sản xuất nông nghiệp gặp bất lợi, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu có xu hướng gia tăng, thời tiết cực đoan, mưa trái mùa, gió lốc, hạn hán kéo dài gây thiệt hại sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản chưa được khai thác tốt, thiếu ổn định và tính rủi ro cao, chưa tạo dựng được thương hiệu uy tín trên thị trường.

- Nhu cầu về vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là rất lớn trong khi khả năng cân đối ngân sách của địa phương còn hạn hẹp. Nguồn thu ngân sách của tỉnh thiếu ổn định, còn phụ thuộc nhiều vào thu tiền sử dụng đất.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn lơ là, chủ quan, bị động, lúng túng hoặc cứng nhắc, chưa đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các tình huống cụ thể, đột xuất.

- Sự phối kết hợp giữa các ngành, các địa phương thiếu thường xuyên, chưa đồng bộ, chặt chẽ, nhịp nhàng, nhất là triển khai thực hiện các chính sách mới về thu hút, ưu đãi đầu tư còn khó khăn.

- Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện, phát hiện, xử lý vi phạm trên một số mặt chưa kịp thời, kiên quyết, triệt để. Tinh thần trách nhiệm một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, tâm lý e ngại, lo sợ trách nhiệm, lo sợ vi phạm.

4. Bài học kinh nghiệm

(1) Trong chỉ đạo, điều hành phải luôn chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; bám sát Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh; có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, sự vào cuộc với quyết tâm cao, nỗ lực lớn của cả hệ thống chính trị.

(2) Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, phát huy tinh thần tiên phong, gương mẫu, “nói đi đôi với làm”; chủ động, linh hoạt, thống nhất trong tổ chức thực hiện, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các cơ quan; tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tập trung đánh giá kỹ nguyên nhân kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, kịp thời rút kinh nghiệm gắn với nâng cao năng lực phân tích, đánh giá, dự báo, cảnh báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ứng phó, xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh.

(3) Chú trọng bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân; chủ động thông tin kịp thời, chính xác, khách quan về tình hình KTXH, củng cố niềm tin, khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp, đồng thuận cao trong xã hội.

(4) Giữ vững quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN HOÀN THÀNH MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. Dự báo tình hình

Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục biến động phức tạp, gây nhiều khó khăn, thách thức. Hậu quả của đại dịch Covid-19 khó có thể khắc phục trong thời gian ngắn. Tăng trưởng thương mại toàn cầu đối mặt với các kịch bản phức tạp, thậm chí tiêu cực hơn trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường, bên cạnh áp lực từ lạm phát và giá cả hàng hóa tăng cao.

Tình hình trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là thách thức lớn. Độ mở của nền kinh tế lớn làm tác động tiêu cực của kinh tế thế giới đến kinh tế trong nước nhanh và mạnh hơn.

Đối với tỉnh Bình Phước, truyền thống đoàn kết, khát vọng vươn lên của Đảng bộ và sự tin tưởng, đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trước những thành quả kinh tế - xã hội đạt được trong nửa đầu nhiệm kỳ là động lực tinh thần to lớn thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Tình hình tư tưởng của Nhân dân, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội dự báo ổn định; kinh tế tăng trưởng khá; các dự án giao thông lớn được triển khai trên địa bàn; kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính; tổ chức sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, hiệu quả; thành quả của khoa học công nghệ và những kết quả bước đầu trong xây dựng chính quyền điện tử; việc triển khai các chủ trương, đề án, kết luận của Tỉnh ủy cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XI của tỉnh trên hầu hết các lĩnh vực đang được tổ chức thực hiện nghiêm túc, là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

Bên cạnh những thành quả đã đạt được và những thuận lợi cơ bản trong nửa đầu nhiệm kỳ, dự báo tình hình thế giới và trong nước tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức, tác động và ảnh hưởng đến tiến trình phát triển giai đoạn 2023-2025 của tỉnh. Năng lực, trình độ, quy mô, công nghệ sản xuất của các ngành, lĩnh vực, nhất là sản xuất công nghiệp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Biến đổi khí hậu tiếp tục có nhiều ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, giá cả các mặt hàng chủ lực của tỉnh sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tác động trực tiếp đến việc thực hiện một số cân đối lớn và đời sống của Nhân dân. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn phức tạp.

Trong bối cảnh đó, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Phước phải tích cực, chủ động, tận dụng thời gian, nắm bắt cơ hội, vượt qua khó khăn thách thức để phục hồi nhanh, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn hướng đến hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm đã đề ra.

II. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tiếp tục bám sát quan điểm, định hướng phát triển theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; các Chương trình, Đề án phát triển ngành lĩnh vực, bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán, thông suốt, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra giải pháp hữu hiệu đối với các chỉ tiêu đạt còn thấp và khó có khả năng đạt để phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021-2025 đã đề ra.

(2) Đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm hành động cao nhất để vừa chống chịu, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh tình hình mới, khắc phục khó khăn,

thách thức, vừa tranh thủ thời cơ, cơ hội mới, tìm động lực mới để tăng tốc trong phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...

(3) Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh hợp tác công tư. Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực con người là quan trọng nhất, coi khó khăn, thách thức là động lực phấn đấu để vươn lên. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

(4) Tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Tiếp tục cơ cấu lại các ngành theo hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế của tỉnh. Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới và phát triển các hình thức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn, từng bước chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu đối với ngành điều, cao su và chế biến thực phẩm. Tiếp tục cơ cấu lại ngành thương mại - dịch vụ, thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ như du lịch, công nghệ thông tin, viễn thông, logistic, dịch vụ giáo dục đào tạo, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ tài chính, ngân hàng, pháp lý...

2.2. Quyết liệt cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, hướng dẫn xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền về pháp lý, về thủ tục hành chính, về tiếp cận đất đai, vốn và điều kiện kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, thực hiện hiệu quả Đề án 06/ĐA-CP của Chính phủ, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh và chỉ số năng lực cạnh tranh DDCI của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố.

2.3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách, nhất là nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất để ưu tiên chi cho đầu tư phát triển. Có giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực của doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, phát triển đô thị, phát triển năng lượng tái tạo. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án; thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, công tác GPMB, đền bù tái định cư của các dự án khởi công mới.

2.4. Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị, nhất là các công trình giao thông trọng điểm kết nối liên vùng.

Sớm hoàn thiện thủ tục để triển khai thực hiện các công trình giao thông trọng điểm như: Cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn 07km qua thị xã Chơn Thành tỉnh Bình Phước, Đường Đồng Phú - Bình Dương, Đường Minh Lập - Bù Nho. Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển đô thị của tỉnh và của các địa phương. Tập trung vốn đầu tư công cho các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị như đường giao thông, cấp thoát nước, xử lý nước thải, cây xanh và xử lý rác thải.

2.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương. Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo lộ trình, trong đó tập trung đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc đổi mới chương trình sách giáo khoa. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Xây dựng Khu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh 200ha tại thành phố Đồng Xoài.

2.6. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội.

Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, quy hoạch, đề án phát triển văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Tập trung công tác quy hoạch và xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục

thể thao từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh; khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở xã hội hóa trong lĩnh vực hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí ở nông thôn, theo quy định của pháp luật. Có cơ chế huy động các doanh nghiệp đóng trên địa bàn các xã tham gia xây dựng đời sống văn hóa; vận động nhân dân tự nguyện đóng góp kinh phí để duy trì các hoạt động thường xuyên của các Nhà văn hóa thôn, ấp, khu phố. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt”. Đẩy mạnh việc triển khai và thực hiện có hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ, phòng chống tệ nạn xã hội.

2.7. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, chuyển đổi năng lượng. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất; hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất đai. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước. Tập trung xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2.8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tiếp tục triển khai đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, gắn với cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Triển khai có hiệu quả đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực. Phát động phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.9. củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực để xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, khu vực phòng thủ vững chắc. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường phòng chống các loại tội phạm; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế xã hội trên từng địa bàn và tuyến biên giới.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, góp phần thiết thực vào quảng bá mạnh mẽ hình

ảnh và tiềm năng, thế mạnh của Bình Phước để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

UBND tỉnh Bình Phước báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền



PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kinh tế - xã hội chủ yếu giữa kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Nghị quyết	Kết quả thực hiện năm 2021	Kết quả thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện giai đoạn 2021-2023/đến năm 2023	Số với chỉ tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá
		1	2	3	4	5	6	7	8=7/2	9
A	Các chỉ tiêu kinh tế									
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm	%	9-10	7,34	8,42	7,27	8,00	7,92		Khó đạt chỉ tiêu
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	100,00	74,36	84,00	43,20	93,20	93,20	93,20	Có khả năng đạt chỉ tiêu
3	Cơ cấu kinh tế (theo giá thực tế)									
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	15-17	25,18	22,34	23,47	22,00	22,00		Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Công nghiệp - xây dựng	%	46-48	41,50	44,95	41,80	43,20	43,20		
	- Thương mại - Dịch vụ	%	36-38	33,32	32,71	34,73	34,80	34,80		
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	185.000	25.708	31.657	14.780	35.400	92.765	50,14	Có khả năng đạt chỉ tiêu
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	18.000-18.500	13.673	14.282	5.449	14.930	14.930	83,00	Có khả năng đạt chỉ tiêu
6	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	5	3,5	3,9	1,8	4,15	4,15	83,00	Có khả năng đạt chỉ tiêu
7	Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã									
	- Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	6.000	1.066	1.150	600	1.200	3.416	56,93	Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã	150	32	30	17	35	97	64,67	Có khả năng đạt chỉ tiêu
B	Các chỉ tiêu về xã hội									
8	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	76,74	84,88	84,88	93,03	93,03	93,03	Có khả năng đạt chỉ tiêu
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	70	34	30,59	38,04	45,1	45,1	64,4	Có khả năng đạt chỉ tiêu
10	Y tế									
	- Số bác sỹ/vận dân	Bác sỹ	10	8,5	8,6	8,6	8,9	8,9	89,00	Có khả năng đạt chỉ tiêu

	- Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh	32	28,5	28,5	29	29	29	90,63	Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm	%	2-2,5	0,8	1,18	0,95	1,11	1,03	51,5	Khó đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	100	100	100	100	100	Đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95	91	92	92,5	93	93	97,9	Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng	%	100	62,9	66,8	68	70	70	70	Khó đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	10	12	10	10	10	10	100	Đạt chỉ tiêu
11	Xây dựng đời sống văn hóa									
	- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa" hàng năm	%	>90	95,88	95,93	95,95	95,95	95,95	106,61	Vượt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ thôn, ấp, khu phố được công nhận "thôn, ấp, khu phố văn hóa" hàng năm	%	>70	97,51	97,62	97,65	97,65	97,65	139,5	Vượt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	100	97,78	98,31	98,35	98,35	98,35	98,35	Có khả năng đạt chỉ tiêu
12	Lao động, việc làm, giảm nghèo và đô thị hóa									
	- Lao động được giải quyết việc làm	Người	200.000	41.141	45.765	25.000	45.000	131.906	65,95	Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<3	<3	<3	<3	<3	<3		Đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70	61	64	64,55	65,00	65,00	92,86	Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Số lượng hộ nghèo theo chuẩn tiếp cận đa chiều giảm hằng năm	Hộ	2000-2500	2.378	2.491	1.000	2.000	2.290		Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ đô thị hóa	%	40	35,12	35,37	38,2	40,56	40,56	101,4	Vượt chỉ tiêu
13	Về môi trường									
	- Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm (cây điều và cao su)	%	76,7	75,22	75,6	75,6	75,6	75,6	98,56	Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	80,37	83,9	88,88	90	90	90	Có khả năng đạt chỉ tiêu
	- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100	98,4	98,8	99	99,2	99,2	99,2	Có khả năng đạt chỉ tiêu

* Đánh giá kết quả các chỉ tiêu: Trong 28 chỉ tiêu có 03 chỉ tiêu vượt, 03 chỉ tiêu đạt, 19 chỉ tiêu có khả năng đạt và 03 chỉ tiêu khó có khả năng đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.